

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tăng Gô.

Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc Tr - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Ngô Thị Mai Th - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-11-2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quốc Tr trình bày: ông Tr và bà Ngô Thị Mai Th cưới nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 28-8-2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Nam, huyện Đ, tỉnh L. Trong cuộc sống, vợ chồng ít chia sẻ, bất đồng quan điểm sống với nhau. Từ tháng 10 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bà Th mê tín dị đoan nên thường xuyên gây cãi nhau, không thể hàn gắn được và sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Ông Tr yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Mai Th.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Thu Thảo (sinh ngày 11-11-2013). Hiện con chung đang sống với ông Tr. Ông Tr yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2019, bị đơn Ngô Thị Mai Th khai thống nhất với ông Tr về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung và tình trạng nuôi dưỡng con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà Th cho rằng bà không mê tín dị đoan mà do ông Tr mê tín dị đoan và nghi ngờ bà nên phát sinh mâu thuẫn.

Về hôn nhân: bà Th đồng ý ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà Th đồng ý để ông Tr trực tiếp nuôi con chung, bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Tr ly hôn với bà Th, giao con chung cho ông Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Lê Quốc Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Ngô Thị Mai Th. Bà Th cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: bà Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Tr: ông Lê Quốc Tr và bà Ngô Thị Mai Th xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 28-8-2013 tại UBND xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông Tr và bà Th là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Ông Tr và bà Th đều cho rằng người còn lại mê tín dị đoan nhưng không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn mà sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Hiện ông Tr vẫn tiếp tục yêu cầu ly hôn, bà Th cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông Tr và bà Th

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Tr có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Tr yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, bà Th cũng đồng ý để ông Tr nuôi con chung, bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung hiện do ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao con chung cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của ông Tr, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr và bà Th cho rằng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Với những nhận định trên thì đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Chi phí tố tụng: ông Tr phải chịu 3.000.000 đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là phù hợp theo khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc Tr đối với bà Ngô Thị Mai Th về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: ông Lê Quốc Tr được ly hôn với bà Ngô Thị Mai Th.

- Về con chung: ông Lê Quốc Tr được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Thu Thảo (sinh ngày 11-11-2013). Hiện con chung đang sống với ông Tr. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, ông Tr và bà Th được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Tr và bà Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: ông Lê Quốc Tr phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã chi phí xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Quốc Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004336 ngày 13-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-6-2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam (*ghi sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.